

# MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN NĂNG LỰC LÂM SÀNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2024

Nguyễn Thị Thanh Trúc<sup>1,✉</sup>, Lê Thị Kim Chi<sup>2</sup>, Mai Nguyễn Thanh Trúc<sup>1</sup>  
Nguyễn Hồng Thiệp<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thanh Nhân<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

<sup>2</sup>Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Nghiên cứu thực hiện nhằm xác định mối liên quan giữa năng lực lâm sàng và một số đặc điểm của sinh viên điều dưỡng. Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 98 sinh viên năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Kết quả: Ghi nhận mối liên quan giữa năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng với năm học và sự tự tin trong học tập ( $p < 0,001$ ). Trong đó, sinh viên học năm thứ 4 và tự tin trong học tập có năng lực lâm sàng tốt hơn nhóm sinh viên còn lại. Tuy nhiên, không ghi nhận sự liên quan giữa năng lực lâm sàng với giới tính và học lực ( $p > 0,05$ ). Do đó, các đơn vị đào tạo cần tăng cường đào tạo thực hành tại bệnh viện và cơ sở y tế cho sinh viên từ năm thứ 3. Đồng thời, giảng viên cần xây dựng môi trường học tập thúc đẩy sự tự tin trong đó kết hợp chặt chẽ lý thuyết với thực hành để nâng cao năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng.

**Từ khóa:** Năng lực lâm sàng, sinh viên, điều dưỡng.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năng lực lâm sàng được định nghĩa là khả năng kết hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị để thực hiện các hoạt động điều dưỡng cụ thể.<sup>1</sup> Đây là yếu tố cốt lõi trong giáo dục điều dưỡng, bao gồm các khả năng như áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, kỹ năng giao tiếp với người bệnh và người nhà, giao tiếp giữa các cá nhân, kỹ năng giải quyết vấn đề và thực hiện các thủ thuật điều dưỡng.<sup>2</sup> Năng lực lâm sàng không chỉ là tiêu chí đánh giá hiệu quả đào tạo mà còn liên quan mật thiết đến việc đảm bảo các tiêu chuẩn nghề nghiệp và an toàn cho người bệnh.<sup>3</sup>

Trong bối cảnh đào tạo điều dưỡng hiện nay, sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 được xem là lực lượng quan trọng vì họ đã trải

qua các giai đoạn lý thuyết và đang tiếp xúc trực tiếp với môi trường thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế. Một số nghiên cứu trước đó ghi nhận năm đào tạo có ảnh hưởng đáng kể đến năng lực lâm sàng của sinh viên, phản ánh chất lượng đào tạo và sự sẵn sàng của đội ngũ điều dưỡng tương lai.<sup>4-6,12</sup> Việc nâng cao năng lực lâm sàng là cấp thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng dịch vụ y tế, đặc biệt trong bối cảnh áp lực ngày càng lớn đối với các cơ sở y tế.

Nghiên cứu của tác giả Trần Thị Hằng (2022) cho thấy năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng đạt mức trung bình. Trong đó, năng lực phát triển chuyên môn của sinh viên được ghi nhận cao nhất, trong khi kỹ năng điều dưỡng đạt mức thấp hơn. Các yếu tố như sự hài lòng về môi trường thực hành, phương pháp học tập và khối lớp có tác động đáng kể đến năng lực thực hành lâm sàng. Ngoài ra, đặc điểm cá nhân, vai trò của giảng

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thanh Trúc

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Email: ntttruc@ctump.edu.vn

Ngày nhận: 08/12/2024

Ngày được chấp nhận: 20/12/2024

viên và môi trường thực hành lâm sàng cũng là những yếu tố quan trọng.<sup>4</sup> Tương tự, Hà Thị Liên và cộng sự (2023) nhấn mạnh vai trò của thái độ và hành vi thực tập. Các yếu tố như học lực, sự yêu thích nghề điều dưỡng và thái độ chuyên nghiệp khi thực tập tại bệnh viện là rất quan trọng, ảnh hưởng đến chất lượng thực hành.<sup>5</sup> Ngoài ra, nghiên cứu Nguyễn Thị Ngọc Hân và cộng sự (2023) cho thấy rằng năng lực xử trí tình huống cấp cứu và giáo dục sức khỏe là hai lĩnh vực mà sinh viên cần được chú trọng cải thiện, đặc biệt đối với sinh viên năm 3, để đáp ứng các chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam.<sup>6</sup> Do đó, việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng là cần thiết để đề xuất giải pháp giúp sinh viên sẵn sàng bước vào môi trường làm việc thực tế, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt yêu cầu nghề nghiệp. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu xác định mối liên quan giữa năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và một số đặc điểm của sinh viên điều dưỡng.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 1. Đối tượng

Sinh viên điều dưỡng đang học tập tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

#### **Tiêu chuẩn lựa chọn**

Sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

#### **Tiêu chuẩn loại trừ**

Sinh viên vắng mặt trong thời gian nghiên cứu.

### 2. Phương pháp

#### **Thiết kế nghiên cứu**

Cắt ngang mô tả.

#### **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu**

Lấy mẫu toàn bộ. Tổng cộng có 98 sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4 tham gia

nghiên cứu, thỏa các tiêu chí lựa chọn và hoàn thành bảng câu hỏi, đạt tỷ lệ tham gia 100%.

#### **Thời gian nghiên cứu**

Từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024.

#### **Thời gian thu thập số liệu**

Từ tháng 01/2024 đến tháng 02/2024.

#### **Địa điểm nghiên cứu**

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

#### **Công cụ nghiên cứu**

Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng thang đo Clinical Competence Questionnaire (CCQ) được xây dựng bởi Shwu-Ru Liou, Ching-Yu Cheng tại Đài Loan (2013).<sup>7</sup> Thang đo CCQ bao gồm 46 câu với 4 nhóm năng lực: (1) hành vi nghề nghiệp điều dưỡng (16 câu), (2) năng lực chung (12 câu), (3) kỹ năng điều dưỡng cốt lõi (12 câu) và (4) kỹ năng điều dưỡng nâng cao (6 câu). Các mục trong thang đo được đánh giá theo thang điểm Likert từ 1 đến 5 tương ứng “Không biết gì”, “Biết lý thuyết, nhưng không hoàn toàn chắc chắn trong thực tế”, “Biết lý thuyết và có thể thực hiện một phần trong thực tế”, “Biết lý thuyết, có thể thực hiện, nhưng cần sự giám sát” và “Biết lý thuyết, có năng lực thực hành độc lập, không cần giám sát”. Tổng số điểm của thang đo CCQ dao động từ 46 đến 230, trong đó điểm số càng cao cho thấy năng lực lâm sàng của sinh viên càng cao. Quy trình dịch xuôi và dịch ngược theo quy trình của Beaton được thực hiện để đảm bảo tính giá trị và chất lượng của thang đo.<sup>8</sup> Sau khi chuyển ngữ, thang đo được đánh giá độ tin cậy trên 30 sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4 từ tháng 12/2023 đến 01/2024. Kết quả cho thấy hệ số Cronbach's alpha tổng là 0,95, trong đó 4 nhóm năng lực có hệ số Cronbach's alpha lần lượt là: hành vi nghề nghiệp điều dưỡng (0,84), năng lực chung (0,82), kỹ năng điều dưỡng cốt lõi (0,85) và kỹ năng điều dưỡng nâng cao (0,88). Bên cạnh đó, chúng tôi thu thập các biến

số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu bao gồm giới tính, năm học, học lực và sự tự tin của sinh viên điều dưỡng trong quá trình học tập. Trong đó, sự tự tin được đánh giá bằng thang đo gồm 13 câu hỏi được xây dựng năm 2018 bởi Erickson và được chuyển ngữ bởi Nguyễn Thị Ngọc Hân (2023) với Cronbach's alpha 0,88. Thang đo được đánh giá theo thang đo Likert 1 – 5, điểm số từ 40 đến 65 điểm sinh viên có sự tự tin trong học tập, từ 13 đến 39 điểm cho thấy sinh viên không có tự tin.<sup>9</sup>

### Tiến trình thu thập số liệu

Nhóm nghiên cứu liên hệ với lớp trưởng các lớp để thông báo về thông tin và mục đích của nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu tiến hành gửi phiếu khảo sát đến sinh viên các lớp vào giờ giải lao và thu lại bảng trả lời sau khi kết thúc tiết học. Trước khi bắt đầu khảo sát, chúng tôi cung cấp thông tin về mục đích, cách thức tiến hành và ý nghĩa của nghiên cứu, sau khi nghe giải thích sinh viên ký tên vào phiếu đồng thuận nghiên cứu.

### Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu được mô tả bằng tần số (n), tỷ lệ (%), trung bình (TB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Điểm số của thang đo CCQ được trình bày dưới dạng trung bình và độ lệch chuẩn. Phép kiểm t-test và ANOVA được sử dụng để phân tích mối liên quan giữa năng lực lâm sàng và đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi  $p < 0,05$ .

### 3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học xét duyệt theo Quyết định số 23.053.GV/PCT-HĐĐĐ ngày 25/12/2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Sinh viên tham gia hoàn toàn tự nguyện và có quyền rút lui bất kỳ lúc nào mà không ảnh hưởng đến học tập và quyền lợi cá nhân. Thông tin cá nhân của sinh viên được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

## III. KẾT QUẢ

**Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 98)**

Nội dung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nữ	76	77,6
	Nam	22	22,4
Học lực	Giỏi	19	19,4
	Khá	66	67,3
	Trung bình	13	13,3
Năm học	Năm thứ 3	44	44,9
	Năm thứ 4	54	55,1
Sự tự tin trong học tập	Không tự tin	9	9,2
	Tự tin	89	90,8

Trong tổng số 98 sinh viên điều dưỡng tham gia nghiên cứu, nữ giới là chủ yếu chiếm tỷ lệ 77,6%. Về học lực, phần lớn sinh viên đạt loại khá (67,3%), tiếp theo là giỏi (19,4%) và không

có sinh viên học lực xếp loại yếu. Có 55,1% sinh viên năm thứ 4 và sinh viên năm thứ 3 là 44,9%. Đặc biệt, đa số sinh viên tự đánh giá có sự tự tin trong học tập, với tỷ lệ 90,8%.

**Bảng 2. Năng lực lâm sàng của đối tượng nghiên cứu (n = 98)**

	Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Điểm lớn nhất	Điểm nhỏ nhất
Năng lực lâm sàng	Hành vi chuyên môn	64,90	10,51	30	80
	Kỹ năng chung	46,86	8,37	24	60
	Kỹ năng cốt lõi	50,50	8,31	13	60
	Kỹ năng nâng cao	23,79	4,13	7	30
Điểm năng lực lâm sàng		186,06	28,09	92	230

Tổng điểm trung bình năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng đạt  $186,06 \pm 28,09$ . Trong các thành phần, hành vi chuyên môn có điểm trung bình cao nhất ( $64,90 \pm 10,51$ ), tiếp theo là

kỹ năng cốt lõi ( $50,50 \pm 8,31$ ) và kỹ năng chung ( $46,86 \pm 8,37$ ). Tuy nhiên, kỹ năng nâng cao có điểm trung bình thấp nhất ( $23,79 \pm 4,13$ ).

**Bảng 3. Mối liên quan giữa đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu và năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng (n = 98)**

	Nội dung	Năng lực lâm sàng (TB $\pm$ ĐLC)	p
Giới tính	Nữ	190,6 $\pm$ 2,98	0,67 (*)
	Nam	187,59 $\pm$ 35,56	
Học lực	Giỏi	190,14 $\pm$ 23,72	> 0,05 (**)
	Khá	192,37 $\pm$ 28,31	
	Trung bình	178,07 $\pm$ 35,58	
Năm học	Năm thứ 3	177,22 $\pm$ 24,77	< 0,001 (*)
	Năm thứ 4	200,41 $\pm$ 27,57	
Sự tự tin trong học tập	Không tự tin	157,67 $\pm$ 49,04	< 0,001 (*)
	Tự tin	193,97 $\pm$ 24,10	

(\*) kiểm định T-Test; (\*\*) kiểm định ANOVA.

Năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng có mối liên quan đáng kể đến năm học và sự tự tin trong học tập của sinh viên, với  $p < 0,001$ .

#### IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy điểm trung bình năng lực lâm sàng của sinh viên là  $186,06 \pm 28,09$ . Trong đó, điểm hành vi chuyên môn cao nhất ( $64,90 \pm 10,51$ ), tiếp theo là kỹ

năng cốt lõi ( $50,50 \pm 8,31$ ), kỹ năng chung ( $46,86 \pm 8,37$ ) và thấp nhất là kỹ năng nâng cao ( $23,79 \pm 4,13$ ). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu Aboshaiqah A (2018) và Fawaz M (2022) tại Ả Rập Xê Út ghi nhận hành vi chuyên môn có giá trị trung bình cao nhất, tiếp theo là kỹ năng chung, các kỹ năng điều dưỡng cốt lõi và các kỹ năng nâng cao.<sup>10,11</sup> Tuy nhiên, một nghiên cứu khác của Albagawi B (2019) tại Ả

Rập Xê Út cho thấy các kỹ năng điều dưỡng cốt lõi có giá trị trung bình cao nhất, tiếp theo là các kỹ năng chung, các kỹ năng điều dưỡng nâng cao và các hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp.<sup>12</sup> Sự khác biệt này có thể là do sự khác biệt về thiết kế nghiên cứu, cỡ mẫu và nội dung của các chương trình điều dưỡng được cung cấp ở các nước khác nhau. Năm đào tạo có mối liên quan đến năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng, cụ thể sinh viên năm 4 có năng lực lâm sàng tốt hơn so với năm 3, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ). Điều này có thể được giải thích nhờ vào yếu tố kinh nghiệm thực tế và quá trình học tập. Sinh viên năm 4 đã hoàn thành nhiều học phần lý thuyết chuyên ngành và có thời gian thực hành tại các khoa lâm sàng dài hơn, từ đó giúp họ tích lũy được kiến thức chuyên sâu và rèn luyện kỹ năng thực hành một cách toàn diện hơn so với sinh viên năm 3. Theo học thuyết học trải nghiệm của Kolb (2014), sự khác biệt về trải nghiệm thực tế và kinh nghiệm thực hành có thể dẫn đến sự khác biệt về kiến thức và năng lực của sinh viên.<sup>13</sup> Do đó, dựa theo học thuyết này, kết quả mà chúng tôi ghi nhận được là phù hợp. Nghiên cứu của Biffu và cộng sự (2016) thực hiện tại Trường Đại Học Bahir Dar, Ethiopia báo cáo rằng có 86% sinh viên năm 4 có năng lực chăm sóc tốt; trong khi đó, tỷ lệ này ở sinh viên năm 3 chỉ đạt 28%; và sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê với  $p < 0,001$ .<sup>14</sup> Ngoài ra, kết quả nghiên cứu chúng tôi phù hợp với một số nghiên cứu trước đó.<sup>4,6</sup>

Bên cạnh đó, sinh viên tự tin trong học tập có mối liên quan đáng kể với năng lực lâm sàng cao hơn so với những sinh viên thiếu tự tin, có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ). Theo học thuyết học tập xã hội của Bandura, niềm tin vào năng lực bản thân là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến cách con người đối mặt với thách thức, đặt mục tiêu và hành động để đạt được thành công. Sinh viên tự tin vào khả năng tiếp thu kiến thức

và giải quyết vấn đề thường có xu hướng coi các tình huống khó khăn trong thực hành lâm sàng như cơ hội học hỏi và phát triển. Niềm tin này giúp họ chủ động tiếp cận các diễn tiến lâm sàng phức tạp, kiên trì vượt qua những khó khăn và đưa ra quyết định chăm sóc phù hợp với tình trạng người bệnh, từ đó nâng cao năng lực lâm sàng.<sup>15</sup> Nghiên cứu của Fawaz và Alsalamah (2022) tại Ả Rập Xê Út đã chỉ ra mối tương quan tích cực giữa sự tự tin và năng lực lâm sàng ở sinh viên điều dưỡng.<sup>11</sup> Bên cạnh đó, một nghiên cứu bán thực nghiệm của Lee SH (2018) tại Hàn Quốc cũng chứng minh rằng việc tăng cường sự tự tin có thể cải thiện đáng kể năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng.<sup>16</sup> Một số nghiên cứu khác trên sinh viên điều dưỡng và điều dưỡng cũng khẳng định mối quan hệ thuận giữa sự tự tin và năng lực lâm sàng.<sup>6,17,18</sup>

Về giới tính, nghiên cứu của chúng tôi không ghi nhận sự khác biệt giữa năng lực lâm sàng giữa giới tính và học lực ( $p > 0,05$ ), kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với Trần Thị Hằng, Nguyễn Thị Ngọc Hân và một số nghiên cứu khác.<sup>4,6,19-23</sup> Đối với học lực, không ghi nhận mối liên quan với năng lực lâm sàng của sinh viên là do việc đánh giá học lực chủ yếu dựa trên điểm học tập tích lũy, bao gồm cả điểm của các học phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở. Bên cạnh đó, năng lực lâm sàng phụ thuộc nhiều hơn vào các kỹ năng thực tế, kinh nghiệm thực hành và khả năng áp dụng lý thuyết vào chăm sóc người bệnh trong các tình huống cụ thể. Tuy nhiên, một số ít nghiên cứu trước đây cho thấy có mối liên quan giữa hai đặc điểm trên so với năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng.<sup>5,24</sup> Sự khác biệt này có thể là do chương trình đào tạo, môi trường học tập và phương pháp giảng dạy tại các trường có sự khác nhau, do đó có thể ảnh hưởng đến cách sinh viên phát triển năng lực lâm sàng.

## V. KẾT LUẬN

Năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng có mối liên quan năm học và sự tự tin trong học tập. Vì vậy, cơ sở đào tạo cần tăng cường thực tập thực tế tại cơ sở y tế thông qua các tình huống chuyên sâu từ năm thứ 3, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn. Đồng thời, xây dựng môi trường học tập khuyến khích sự tự tin và kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết với thực hành lâm sàng.

Hạn chế của nghiên cứu: cỡ mẫu nhỏ nên không thể đại diện cho tất cả sinh viên điều dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Ngoài ra, phạm vi nghiên cứu giới hạn tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, do đó khó có thể khái quát hóa kết quả cho các trường đào tạo điều dưỡng trên cả nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Meretoja R, Isoaho H, Leino-Kilpi H. Nurse Competence Scale: development and psychometric testing. *Journal of Advanced Nursing*. 2004; 47(2): 124–133. <https://doi.org/10.1111/j.1365-2648.2004.03071.x>.

2. Hakimzadeh R, Karamdost N, Memarian R, Ghodrati A, & Mirmosavi J. Assessing nursing students' clinical competency: self-assessment. *Quarterly Journal of Nursing Vision*. 2012; 1(1).

3. Kim KH. Clinical competence among senior nursing students after their preceptorship experiences. *Journal of Professional Nursing*. 2007; 23(6): 369-375. <https://doi.org/10.1016/j.profnurs.2007.01.019>.

4. Trần Thị Hằng, Tôn Nữ Minh Đức, Nguyễn Thị Anh Phương, Trần Thị Nguyệt. Khảo sát năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y Dược Huế*. 2022; 6(12): 22-29. DOI: 10.34071/jmp.2022.6.3.

5. Hà Thị Liên, Bùi Thị Châm, Nguyễn Thị

Thảo, Nguyễn Thị Hồng Tươi, Lưu Thị Lương. Nghiên cứu thái độ, hành vi trong hoạt động thực tập lâm sàng tại Bệnh viện của sinh viên năm 3, năm 4 Trường Đại học Phenikaa năm 2021 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2023; 6(04): 6-14.

6. Nguyễn Thị Ngọc Hân, Ngô Thị Dung, Dương Thị Thùy Trang, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Lưu Trí Diễm, Nguyễn Thái Thông. Tự đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan. *Tạp chí nghiên cứu y học*. 2023; 168(7): 206-214.

7. Liou SR & Cheng CY. Developing and validating the clinical competence questionnaire: A self-assessment instrument for upcoming baccalaureate nursing graduates. *Journal of Nursing Education and Practice*. 2014; 4(2): 56-66.

8. Beaton DE, Bombardier C, Guillemin F, Ferraz MB. Guidelines for the process of crosscultural adaptation of self-report measures. *Spine*. 2000; 25(24): 3186-3191.

9. Erickson GAS, Soukup JH, Noonan PM, and McGurn L. Self-efficacy formative questionnaire technical report. 2018. Retrieved from <http://www.researchcollaboration.org/uploads/Self EfficacyQuestionnaireInfo.pdf>.10.

10. Aboshaiqah A & Qasim A. Nursing interns' perception of clinical competence upon completion of preceptorship experience in Saudi Arabia. *Nurse Education Today*. 2018; 68: 53-60, <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2018.05.021>.

11. Fawaz M, Alsalamah Y. Clinical competence and self-efficacy of Lebanese and Saudi nursing students participating in simulation-based learning in nursing education. *Nursing Forum*. 2022; 57(2): 260-266.

12. Albagawi B, Mahmoud HF, Alotaibi JS, et al. Self-efficacy and clinical competence of fourth-year nursing students: A self-reported

- study. *International Journal of Advanced and Applied Sciences*. 2019; 6: 65-70, DOI: 10.21833/ijaas.2019.08.009.
13. Kolb DA. *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. FT press. 2014.
14. Bifftu BB, Dachew BA, Tadesse Tiruneh B, et al. Perceived clinical competence among undergraduate nursing students in the university of Gondar and Bahir Dar university, Northwest Ethiopia: A cross-sectional institution based study. *Advances in nursing*. 2016:1-7.
15. Bandura A, Hall P. Albert bandura and social learning theory. *Learning theories for early years practice*. 2018: 63-65.
16. Lee SH. Effect of practical delivery-nursing simulation education on team-based learning on the nursing knowledge, self-efficacy, and clinical competence of nursing students. *Korean journal of women health nursing*. 2018; 24(2): 150-162.
17. Lee J, Lee Y, Lee S, and Bae J. Effects of high-fidelity patient simulation led clinical reasoning course: Focused on nursing core competencies, problem solving, and academic self-efficacy. *Japan journal of nursing science*. 2016; 13(1): 20-28.
18. Ahn JH, Kim M. Influence of self-reflection and insight, and academic self-efficacy on clinical reasoning competence among nursing students. *Journal of East-West nursing research*. 2020; 26(2): 176-184.
19. Lim EJ, Lee MH. Convergence relationship among interpersonal competence, clinical stress and clinical competence in nursing students. *Journal of digital convergence*. 2019; 17(5): 279-286.
20. Fotohi P, Olyaie N, Salehi K. The dimensions of clinical competence of nurses working in critical care units and their relation with the underlying factors. *Quarterly journal of nursing management*. 2019; 8(2): 1-9.
21. Gunawan J, Aunguroch Y, Fisher ML, Marzilli C, and Liu Y. Factors related to the clinical competence of registered nurses: Systematic review and meta-analysis. *Journal of nursing scholarship*. 2020; 52(6): 623-633.
22. Albagawi B, Hussein FM, Alotaibi JS, et al. Self-efficacy and clinical competence of fourth-year nursing students: A self-reported study. *International Journal of Advanced and Applied Sciences*. 2019; 6: 65-70.
23. Nguyen CTM, Horii S, Pham HTT, Amaike N, Ho HT, and Aiga H. Effectiveness of a standard clinical training program in new graduate nurses' competencies in Vietnam: A quasi-experimental longitudinal study with a difference-in-differences design. *Plos one*. 2021; 16(7): e0254238.
24. Phạm Nguyễn Thu Hân, Nguyễn Trần Bảo Trân, Nguyễn Minh Thảo Hiền, Trần Thị Vân, Lại Thị Hà, Nguyễn Thị Hải. Năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Trường Đại học Đông Á. *Tạp chí Khoa học Đại học Đông Á*. 2024; 3(3): 14-25.

## Summary

# FACTORS ASSOCIATED WITH CLINICAL PRACTICE COMPETENCE AMONG NURSING STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2024

The study aimed to determine the relationship between the clinical practice competence of nursing students and their characteristics. A descriptive cross-sectional study was conducted among 98 third- and fourth-year students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. Our study found a significant relationship between the clinical practice competence of nursing students and the academic year, and confidence in learning ( $p < 0.001$ ). Specifically, fourth – year students, and those with high confidence in learning demonstrated better clinical practice competence compared to other groups. However, no significant difference was observed in clinical practice competence with regard to gender and academic performance ( $p > 0.05$ ). Therefore, educational institutions should enhance practical training at hospitals and healthcare facilities for students starting from their third year. Teachers should also create a learning environment that fosters confidence and integrates theoretical knowledge with hands-on practice to improve the clinical skills of nursing students.

**Keywords:** Clinical competence, students, nurses.